| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ M**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 51/2022/QĐST-HNGĐ | *M, ngày 19 tháng 8 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 73, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 49/2022/TLST - VDS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: - Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1986.

- Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1990.

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/10/2011.
- Cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/6/2013.
- Cháu Nguyễn Đăng A, sinh ngày 16/9/2015.

Đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu L, cháu A: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1986

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ Bn nhân dân xã H, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hưng Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 7 năm 2010. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh B và chị N làm đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của đương sự giữa anh, chị. Vì vậy, Toà án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự"* là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm thường xuyên tăng ca, thời gian chăm sóc gia đình hạn chế, anh B không thông cảm cho công việc của chị N nhiều lần yêu cầu chị N nghỉ việc nhưng chị N không đồng ý. Mặt khác giữa vợ chồng anh chị không có sự tin tưởng nhau, anh B nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị N không thừa nhận nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Toà án công nhận thuận tình ly hôn đối với anh chị theo quy định Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/10/2011; cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/6/2013; cháu Nguyễn Đăng A, sinh ngày 16/9/2015. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu L và cháu Anh cho đến khi cháu H, cháu L và cháu Anh thành niên (đủ 18 tuổi). Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị thoả thuận thống nhất chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B. Thoả thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện nên được Toà án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết; thoả thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Toà án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/10/2011; cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/6/2013; cháu Nguyễn Đăng A, sinh ngày 16/9/2015. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu L và cháu A cho đến khi cháu H, cháu L và cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B, chị N thoả thuận thống nhất chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B.

Vì lợi ích của con chung, anh B, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Chị N có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị N

thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị N tự nguyện thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm việc dân sự. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng anh B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Toà án số 0013127 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Anh B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Bn hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã M;*
- *Phòng KTNV và THA–TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Oanh**